

CHUYỂN BIẾN VỀ MÔ HÌNH VÀ CƠ CẤU HỆ THỐNG GIÁO DỤC VIỆT NAM TRONG 35 NĂM ĐỔI MỚI (1986-2021)

NGUYỄN THÚY QUỲNH *

Hệ thống giáo dục là tổ chức cấu trúc tổng thể mà thông qua đó giáo dục với mọi dạng thức và cấp độ được cung cấp cho nhân dân; là các cấu trúc, phương thức hoạt động và dịch vụ đảm bảo sự giáo dục và phát triển trí tuệ của con người (định nghĩa của UNESCO). Đứng trước yêu cầu thực tiễn của đất nước, hệ thống giáo dục của Việt Nam đã có những bước phát triển quan trọng qua từng giai đoạn lịch sử.

Vào giữa thập niên 80 của thế kỉ XX, đứng trước những thay đổi của tình hình trong nước và quốc tế, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã thực hiện đổi mới để đưa đất nước vượt qua khủng hoảng, đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đường lối đổi mới chính thức được đề ra tại Đại hội Đảng lần thứ VI (12-1986) và tiếp tục bổ sung, phát triển tại trong các kỳ Đại hội tiếp theo. Sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước được tiến hành từ năm 1986 đến nay (2021) đã tác động và tạo nên sự thay đổi trong mọi lĩnh vực, trong đó có giáo dục. Chuyển biến của hệ thống giáo dục từ sau năm 1986 thể hiện qua nhiều nội dung. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả bước đầu phân tích những chuyển biến cơ bản về mô hình, cơ cấu của hệ thống giáo dục quốc dân trong quá trình đổi mới đất nước và hội nhập quốc

tế, đồng thời nêu lên một số thách thức đặt ra mà giáo dục phải tiếp tục giải quyết nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn của sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

1. Chuyển biến về mô hình giáo dục

Để khắc phục những khó khăn, hạn chế và đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam đề xướng từ Đại hội Đảng lần thứ VI, sự nghiệp giáo dục Việt Nam cũng bước vào một giai đoạn phát triển mới nhằm thực hiện đổi mới theo hướng đồng bộ, toàn diện và sâu sắc. Quá trình đổi mới đòi hỏi tư duy lại và nhận thức sâu sắc hơn về mục tiêu, nhiệm vụ của giáo dục. Trong bối cảnh mới, hệ thống giáo dục quốc dân chuyển từ nhiệm vụ phục vụ cho nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp sang phục vụ cho nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lí của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chính vì vậy, cùng với quá trình đổi mới đất nước trên các lĩnh vực, ngành giáo dục đã thực hiện các biện pháp đổi mới bằng việc học tập kinh nghiệm, mô hình của nhiều nước trên thế giới.

Chủ trương đổi mới giáo dục và mô hình giáo dục được thể hiện qua các kì đại hội, hội nghị của Đảng. Đại hội đại biểu toàn quốc

*TS. Viện Sử học

lần thứ VI của Đảng (tháng 12-1986) chỉ rõ khoa học kỹ thuật và giáo dục - đào tạo phải trực tiếp góp phần vào việc đổi mới công tác quản lý kinh tế - xã hội, việc thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục phải gắn bó với kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội ở từng địa phương và trong cả nước. Đường lối đổi mới của Đảng đã tạo tiền đề cho việc đổi mới sự nghiệp giáo dục - đào tạo nói chung và đổi mới giáo dục đại học nói riêng. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 khẳng định xóa bỏ triệt để cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, hình thành cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác. Giáo dục và đào tạo gắn với sự nghiệp phát triển kinh tế, phát triển khoa học, kỹ thuật, xây dựng nền văn hoá mới và con người mới, chính vì vậy, mô hình giáo dục cũng từng bước được đổi mới cho phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội. Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã thông qua Nghị quyết số 02-NQ/HNTW ngày 24-12-1996 “Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000” cũng đề ra mục tiêu phát triển giáo dục là đổi mới sâu sắc về giáo dục và đào tạo để thực sự thích ứng với nền kinh tế - xã hội, cả về cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục, đồng thời phải phát huy ảnh hưởng tích cực, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của cơ chế thị trường đối với giáo dục - đào tạo.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X (tháng 4-2006) khẳng định: “Chuyển dần mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập với hệ thống học tập suốt đời, đào tạo liên tục, liên thông giữa các bậc học, ngành học; xây dựng và phát

triển hệ thống học tập cho mọi người và những hình thức học tập thực hành linh hoạt, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên” (1), thực hiện đổi mới cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý giáo dục, nội dung, phương pháp dạy và học, thực hiện “chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá”, phân cấp, tạo động lực và sự chủ động của các cơ sở, các chủ thể tiến hành giáo dục. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII (1-2016) tiếp tục khẳng định: “Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập” (2). Nghị quyết số 29-NQ/TW “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” đã được Hội nghị Trung ương 8 khóa XI thông qua ngày 4 tháng 11 năm 2013 cũng đã chỉ rõ: “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện; đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở giáo dục-đào tạo và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học... Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo. Chuẩn hóa, hiện đại hóa giáo dục và đào tạo. Chủ động phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển giáo dục và đào tạo...” (3). Những nội dung này tiếp tục được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đề cập đến với nội dung về phương hướng, nhiệm vụ đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào

tạo, phát triển nguồn nhân lực. Và một trong những đột phá chiến lược để thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 là tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam, đẩy nhanh thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, trọng tâm là hiện đại hóa và thay đổi phương thức giáo dục, đào tạo đã được chỉ rõ tại Đại hội Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tháng 1-2021. Một trong những nhiệm vụ đặt ra là phải sắp xếp lại hệ thống trường học; phát triển hài hòa giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các vùng, miền, thực hiện cơ chế tự chủ một số trường phổ thông tại các đô thị lớn, các nơi có điều kiện, xây dựng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập; thực hiện đào tạo theo nhu cầu của thị trường lao động.

Thực hiện chủ trương đổi mới của Đảng, trong những năm qua, hệ thống các văn bản pháp luật về giáo dục được ban hành như Nghị định 90/CP ngày 24-11-1993 của Chính phủ Quy định cơ cấu khung của hệ thống giáo dục quốc dân, hệ thống văn bằng, chứng chỉ về giáo dục và đào tạo của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, tiếp đó là *Luật Giáo dục năm 1998*, Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010, Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2021, *Luật Giáo dục năm 2005*, *Luật Giáo dục sửa đổi năm 2009*, đặc biệt là lần đầu tiên Việt Nam có *Luật Giáo dục đại học năm 2012*, *Luật giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung năm 2014*, *Luật giáo dục nghề nghiệp năm 2014* và gần đây nhất là *Luật Giáo dục năm 2019*... Hệ thống các văn bản pháp luật này đã xây dựng được môi

trường pháp lý trong đổi mới cơ chế quản lý giáo dục. Theo đó, “mô hình quản lý về giáo dục trong thời gian qua đã được định hình trong nhận thức là chuyển từ tư tưởng quản lý chủ yếu bằng mệnh lệnh hành chính sang quản lý chủ yếu bằng pháp luật... Về cơ bản, khung pháp lý cho việc điều hành mọi hoạt động của giáo dục đã định hình và ngày càng được củng cố. Các chuẩn phục vụ cho công tác quản lý tiếp tục được xây dựng, hoàn thiện và đang phát huy tác dụng” (4).

Mô hình mà Việt Nam tiến hành đổi mới nền giáo dục là mô hình của các quốc gia phát triển với sự gắn kết chặt chẽ ba chức năng cơ bản gồm đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội. Nếu như trước khi đổi mới, hệ thống giáo dục Việt Nam chịu ảnh hưởng và được xây dựng theo mô hình của Pháp (trước năm 1954), Mỹ (từ năm 1954 đến năm 1975 ở miền Nam) và các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là mô hình của Liên Xô (từ năm 1954 đến cuối thập kỷ 80 của thế kỷ XX) thì từ khi đổi mới đến nay, hệ thống giáo dục đã từng bước hội nhập và chuyển biến theo mô hình chung của giáo dục thế giới. Giáo dục từ chỗ là phúc lợi xã hội, được Nhà nước bao cấp hoàn toàn dựa trên mô hình tập trung, quan liêu, bao cấp trong thời kì trước đổi mới đã chuyển sang mô hình phi tập trung hóa, dân chủ hóa và hiện đại hóa sau khi đất nước tiến hành đổi mới toàn diện về mọi mặt. Giáo dục được coi là sự nghiệp chung của Nhà nước và xã hội.

Trên cơ sở đó, ngành giáo dục từng bước tiếp cận và thích ứng với yêu cầu của cơ chế thị trường ở những mức độ khác nhau và được chấp nhận là một lĩnh vực dịch vụ, “vai trò của giáo dục trong xã hội đã thay đổi từ chỗ là “sản phẩm của chủ nghĩa bình quân” trở thành một lĩnh vực đầu tư thông

thường” (5) Một số cơ sở đào tạo, trong đó chủ yếu là các trường đại học và một số trường phổ thông đã thực hiện cơ chế tự chủ và ngày càng phát huy tính tự chủ trong quản lý. Đây là một xu thế tất yếu trong quá trình tồn tại và phát triển của các cơ sở giáo dục. Việc đổi mới về mô hình quản lý giáo dục diễn ra ở các cấp, bậc học và đặc biệt mạnh mẽ trong ngành đại học với các biện pháp được xác định ngay từ năm 1987 tại Hội nghị Hiệu trưởng các trường đại học:

- Giáo dục đại học chuyển từ phương thức đào tạo đơn nhất theo kế hoạch tập trung cho nhu cầu, biên chế nhà nước và kinh tế quốc doanh sang các phương thức đào tạo đa dạng, không chỉ đáp ứng nhu cầu của biên chế nhà nước mà còn cho các thành phần kinh tế và đồng đảo các tầng lớp nhân dân. Đào tạo gắn với nhu cầu thị trường nhân lực.

- Giáo dục đại học không chỉ dựa vào ngân sách Nhà nước mà còn dựa vào các nguồn lực khác ngoài ngân sách Nhà nước như học phí, hợp đồng đào tạo, đóng góp của các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, kinh phí tự chủ của nhà trường, hỗ trợ quốc tế...

- Giảm bớt cơ chế quản lý hành chính quan liêu, tập trung bao cấp trong giáo dục đại học. Giáo dục đại học không chỉ theo kế hoạch tập trung mà còn phải phù hợp với xu thế và yêu cầu của xã hội, đồng thời tăng cường tính tự chủ của các trường đại học trong tuyển sinh, đào tạo, hợp tác và nghiên cứu.

- Giáo dục đại học không gắn với chế độ phân phối học sinh tốt nghiệp đại học theo cơ chế hành chính bao cấp. Người tốt nghiệp tự tạo việc làm trong các thành phần kinh tế. Việc sắp xếp việc làm sau tốt nghiệp tùy thuộc vào nhu cầu của các cơ sở sử dụng lao động thông qua sự điều tiết của thị trường lao động.

Chính sách xây dựng xã hội học tập, thực hiện xã hội hóa giáo dục sớm hình thành và đi vào thực tiễn. Thực hiện tinh thần đổi mới tư duy trong giáo dục, xóa bỏ tư tưởng bao cấp, ngành giáo dục đã đề ra và thực hiện sáng tạo chủ trương xã hội hóa giáo dục, khuyến khích phát triển nhóm trẻ gia đình, nhà trẻ và các trường bán công, dân lập, tư thục nhằm giảm chi phí từ phía Nhà nước, thu hút thêm sự đóng góp của xã hội cho giáo dục. *Luật Giáo dục năm 2019* quy định: 1. Phát triển giáo dục, xây dựng xã hội học tập là sự nghiệp của Nhà nước và của toàn dân; 2. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong phát triển sự nghiệp giáo dục. Thực hiện đa dạng hóa các loại hình cơ sở giáo dục và hình thức giáo dục; khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục; khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục dân lập, tư thục đáp ứng nhu cầu xã hội về giáo dục chất lượng cao; 3. Tổ chức, gia đình và cá nhân có trách nhiệm chăm lo sự nghiệp giáo dục, phối hợp với cơ sở giáo dục thực hiện mục tiêu giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh (6). Việc xây dựng mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập được đặc biệt chú ý và phát triển sâu rộng ở các cấp, bậc học. Nhờ sự tham gia của toàn xã hội, mô hình xã hội học tập đã phát huy tác dụng và mang lại hiệu quả tích cực, góp phần huy động các nguồn lực để phát triển, đồng thời đáp ứng những yêu cầu của công cuộc phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường và nhu cầu về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực sáng tạo và khả năng học hỏi suốt đời.

Như vậy, trong quá trình đổi mới, ngành giáo dục đã triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách cụ thể, vì vậy, giáo dục

đã có những chuyển biến cơ bản về nhiều mặt, đặc biệt là về mô hình đào tạo nhằm phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước và xu thế của thời đại. Việc xác định được hướng đi và đổi mới về mô hình phát triển được coi là một trong những thành công của nền giáo dục Việt Nam trong bối cảnh biến đổi toàn cầu, bởi vấn đề đặt ra không phải chỉ là xác định giáo dục đã tụt hậu bao nhiêu năm mà là xác định được hướng đi đúng hay sai để khắc phục sự tụt hậu đó. Điều này đóng vai trò quan trọng trong quá trình đổi mới giáo dục, đồng thời là điều kiện cơ bản cho việc xây dựng và phát triển của nền giáo dục Việt Nam.

2. Chuyển biến về cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân

Cùng với sự đổi mới về mô hình và trên cơ sở những quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục, nhiều biện pháp đổi mới hệ thống giáo dục đã được đề ra đối với toàn hệ thống và với các cấp giáo dục. Cơ cấu khung của hệ thống giáo dục quốc dân từng bước được cải cách cho phù hợp với thực tiễn qua các giai đoạn và có một số chuyển biến quan trọng.

Năm 1987, ngành giáo dục thực hiện một số thay đổi về cơ cấu hệ thống so với trước đổi mới. Nhà trẻ, mẫu giáo hợp nhất lại thành giáo dục Mầm non. Cấp I được tách ra khỏi phổ thông cơ sở gọi là cấp Tiểu học, đồng thời thực hiện phổ cập giáo dục Tiểu học. Hội nghị ngành đại học và giáo dục chuyên nghiệp ở Nha Trang năm 1987 đề ra chủ trương: tạo ra cơ cấu mới của hệ thống giáo dục đại học và chuyên nghiệp; thực hiện một cơ cấu đầu tư hợp lý; đổi mới cơ chế quản lý hệ thống; cải tiến nội dung, phương pháp, nâng cao tính tích cực trong giảng dạy và học tập.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý ngành giáo dục trong thời kỳ đổi mới, cũng trong năm 1987, Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em

Trung ương được sáp nhập vào Bộ Giáo dục. Năm 1988, Tổng cục Dạy nghề sáp nhập vào Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp thành Bộ Đại học, Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề. Tháng 4-1990, Bộ Giáo dục và đào tạo được thành lập trên cơ sở nhập hai Bộ: Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Dạy nghề và Bộ Giáo dục. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân được thực hiện thống nhất trong cả nước với các cấp học từ mầm non đến đại học và giáo dục thường xuyên.

Đến niên khóa 1992 - 1993, cuộc cải cách hệ thống giáo dục phổ thông hệ 12 năm đề ra từ năm 1979 được bắt đầu áp dụng trên phạm vi toàn quốc. Vấn đề cấu trúc lại và xây dựng hệ thống giáo dục thống nhất trong cả nước được thực hiện theo Nghị định 90/CP ngày 24-11-1993 của Chính phủ quy định về cơ cấu khung của hệ thống giáo dục quốc dân, hệ thống văn bằng, chứng chỉ về giáo dục và đào tạo. Ngành giáo dục thực hiện hợp nhất nhà trẻ, mẫu giáo thành giáo dục mầm non; xây dựng bậc tiểu học hoàn chỉnh, tách trường cấp I ra khỏi trường phổ thông cơ sở; xây dựng bậc trung học mới; xây dựng trung học chuyên ban; xây dựng trường trọng điểm, các trung tâm chất lượng cao; tổ chức phân luồng sau trung học cơ sở và trung học phổ thông; xây dựng hệ thống giáo dục thường xuyên; xây dựng các trung tâm dạy nghề, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - lao động hướng nghiệp và dạy nghề ở các quận huyện; chia đào tạo đại học thành hai giai đoạn, thành lập đại học đại cương; tổ chức bậc cao học đào tạo thạc sĩ; cải tiến quy trình đào tạo nghiên cứu sinh để đạt học vị tiến sĩ.

Cấu trúc hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm các cấp, bậc học như sau:

- Giáo dục mầm non bao gồm: Nhà trẻ, mẫu giáo. Hội nghị Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 1994 đã đề ra chủ trương

huy động hầu hết trẻ trong độ tuổi vào mẫu giáo lớn bằng nhiều hình thức để chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1, chủ trương xây dựng các trường mầm non trọng điểm và trọng điểm chất lượng cao.

- Giáo dục phổ thông bao gồm: Tiểu học, Trung học cơ sở; Trung học chuyên ban. Đối với giáo dục tiểu học: cấp tiểu học được tách ra thành một bậc mới từ phổ thông cơ sở theo Nghị định 90 CP ngày 24-11-1993 của Chính phủ và thực hiện chuẩn hóa, cải tiến chương trình, sách giáo khoa, dạy đủ các môn bắt buộc và miễn học phí cho học sinh tiểu học ở các trường quốc lập (7). Đối với giáo dục trung học cơ sở: tách tiểu học ra khỏi trung học cơ sở và thành lập các trường trung học cơ sở, xây dựng các trường phổ thông dân tộc nội trú; chủ trương thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở những nơi có điều kiện. Cấp trung học phổ thông đổi thành trung học chuyên ban.

- Giáo dục chuyên nghiệp: Trung học chuyên nghiệp; Trung học nghề; Đào tạo nghề.

- Giáo dục đại học: Cao đẳng, Đại học, Cao học và Đào tạo tiến sĩ.

- Giáo dục thường xuyên (8).

Theo cơ cấu mới này, hệ thống giáo dục Việt Nam được phân định rõ các cấp bậc học từ phổ thông đến đại học. Trong giáo dục phổ thông, cấp Tiểu học (từ lớp 1 đến lớp 5) tương ứng với cấp I, trung học cơ sở (từ lớp 6 đến lớp 9) tương ứng với cấp II, trung học phổ thông (từ lớp 10 đến lớp 12) tương đương với cấp III. Giáo dục chuyên nghiệp được bổ sung thêm các trường trung học nghề. Đồng thời, giáo dục thường xuyên được thiết lập thay cho bổ túc văn hóa đào tạo tại chức. Tương ứng với các bậc học là các loại văn bằng: Bằng tốt nghiệp Tiểu học, Bằng Trung học cơ sở, Bằng Tú tài, Bằng Nghề, Bằng Trung học chuyên nghiệp, Bằng Cao đẳng, Bằng Cử nhân,

Bằng Thạc sĩ, Phó Tiến sĩ, Bằng Tiến sĩ, Chứng chỉ nghề, Chứng chỉ đại học đại cương... Với những thay đổi này, đây là lần đầu tiên hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam được xác định cụ thể và có hệ thống, về cơ bản phù hợp với thông lệ quốc tế về các cấp, bậc học, thời gian đào tạo, chuẩn độ tuổi, điều kiện tuyển sinh và văn bằng tốt nghiệp. Cơ cấu hệ thống giáo dục được hoàn thiện theo hướng đa dạng hóa, chuẩn hóa, liên thông liên kết từ giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp đến giáo dục đại học.

Tiếp đó, hệ thống giáo dục được xây dựng theo Luật Giáo dục năm 1998 bao gồm 4 bậc và trình độ giáo dục - đào tạo:

- Giáo dục mầm non có nhà trẻ và mẫu giáo.

- Giáo dục phổ thông có hai bậc học là bậc tiểu học và bậc trung học; bậc trung học có hai cấp học là cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông;

- Giáo dục nghề nghiệp có trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

- Giáo dục đại học và sau đại học: cao đẳng, đại học và sau đại học: đào tạo thạc sĩ và đào tạo tiến sĩ (9).

Học vị Phó Tiến sĩ được đổi thành Tiến sĩ, học vị Tiến sĩ đổi thành Tiến sĩ khoa học, xác lập 4 văn bằng bậc Đại học là Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ.

Về phương thức đào tạo, song song với hệ thống giáo dục chính quy là loại hình giáo dục không chính quy bao gồm các chương trình đào tạo như xóa mù chữ, bồi dưỡng cập nhật nâng cao trình độ kiến thức, kỹ năng, các chương trình giáo dục để lấy văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân theo hình thức vừa học, vừa làm, học từ xa. Loại hình trường có các loại công lập và ngoài công lập như dân lập, tư thục, bán công ở các bậc mầm non, phổ thông, giáo

dục nghề nghiệp và đại học. Trong hệ thống giáo dục còn có các cơ sở giáo dục dành cho trẻ thiếu năng giáo dục chuyên biệt cho người tàn tật, các cơ sở giáo dục cho nhiều đối tượng khác nhau. Năm 2000, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định thống nhất tên gọi học vị “Tiến sĩ” và “Phó Tiến sĩ” (10). Tuy nhiên, trong cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, việc bỏ giáo dục thường xuyên không phù hợp với nguyên tắc thực hiện giáo dục cho mọi người và học tập suốt đời.

Theo *Luật Giáo dục năm 2005, sửa đổi năm 2009, Luật Giáo dục đại học năm 2012*, sửa đổi, bổ sung năm 2014 và *Luật giáo dục nghề nghiệp năm 2014*, cơ cấu hệ thống giáo dục về cơ bản được xây dựng theo hệ thống giáo dục năm 1998, có một số điều chỉnh cho phù hợp và được quy định rõ gồm các bậc, cấp học như sau:

- Giáo dục mầm non: Nhà trẻ và Mẫu giáo.
- Giáo dục phổ thông: Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông;
- Giáo dục nghề nghiệp: Trung cấp chuyên nghiệp và Dạy nghề (đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng).
- Giáo dục đại học: Cao đẳng, Đại học, Sau đại học.

+ Cao đẳng: được thực hiện từ 2 đến 3 năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ 1,5 đến 2 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng chuyên ngành.

+ Đại học: được thực hiện từ 4 đến 6 năm học tùy theo từng ngành đào tạo đối với người có bằng trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ 2,5 đến 4 năm học đối với người có bằng trung cấp cùng chuyên ngành, từ 1 đến 2 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng

chuyên ngành.

Hình thức đào tạo ở trình độ cao đẳng và đại học gồm chính quy tập trung hoặc không tập trung với các hệ đào tạo vừa học vừa làm, liên thông, chuyên tu, tại chức, văn bằng 2 và các loại hình trường công lập, ngoài công lập.

Sau đại học: Đào tạo thạc sĩ được thực hiện trong 2 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp đại học; Đào tạo tiến sĩ được thực hiện trong 3 - 4 năm tùy theo từng đối tượng (có bằng thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học). Trong một số trường hợp, trình độ tiến sĩ có thể được kéo dài theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong cơ cấu hệ thống giáo dục này, chế độ thi cử đã có những thay đổi căn bản: bỏ kỳ thi tốt nghiệp Tiểu học và cấp Bằng Tốt nghiệp Tiểu học; bỏ thi Tốt nghiệp quốc gia Trung học cơ sở. Hệ thống dạy nghề được hình thành theo ba bậc sơ cấp, trung cấp và cao đẳng. Loại hình Trung học chuyên nghiệp đã được chuyển đổi tên thành Trung cấp chuyên nghiệp. Đặc biệt là, khắc phục tồn tại của giai đoạn trước, hệ thống giáo dục thường xuyên đã được khôi phục lại. Khung thời gian đào tạo cũng có những thay đổi phù hợp tùy theo từng loại hình, cấp bậc học.

Ngày 18 - 10 - 2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1981/QĐ-TTg *Phê duyệt khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân*. Theo Quyết định này, cơ cấu giáo dục mẫu giáo và phổ thông giữ nguyên, riêng giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học có thay đổi đối với việc sắp xếp trình độ cao đẳng, cụ thể như sau: giáo dục nghề nghiệp đào tạo các trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng; giáo dục đại học đào tạo các trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ (11).

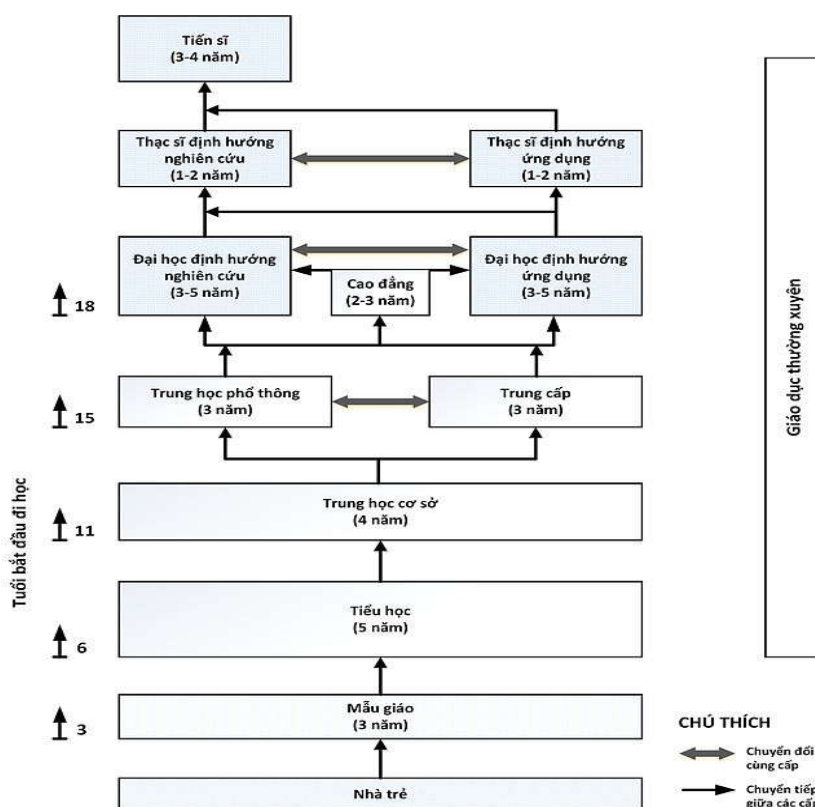
Hiện nay, cơ sở để xây dựng hệ thống

giáo dục quốc dân là Luật Giáo dục được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2019 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1-7-2020). *Luật Giáo dục năm 2019* quy định hệ thống giáo dục quốc dân là hệ thống giáo dục mở, liên thông gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên. Các cấp học, trình độ đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân về cơ bản được giữ nguyên so với cơ cấu hệ thống quốc dân theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ năm 2016, riêng giáo dục nghề nghiệp ngoài đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng còn có các

chương trình đào tạo nghề nghiệp khác. Với sự thay đổi về cơ cấu được quy định tại hai văn bản này, giáo dục trình độ cao đẳng không thuộc giáo dục đại học như trước đây mà thuộc giáo dục nghề nghiệp. Giáo dục đào tạo trình độ đại học và giáo dục đào tạo trình độ thạc sĩ có 2 định hướng: nghiên cứu và ứng dụng; giáo dục trình độ tiến sĩ theo định hướng nghiên cứu.

Như vậy, từ năm 1986 đến nay, giáo dục Việt Nam đã thực hiện một số thay đổi hoặc điều chỉnh về cơ cấu khung và các loại hình giáo dục-đào tạo trong cấu trúc hệ thống giáo dục quốc dân qua các dấu mốc cơ bản năm 1987, 1993, 1998, 2005, 2016,

Sơ đồ khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân



Nguồn: Quyết định số 1981/QĐ-TTg *Phê duyệt khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân* do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 18 tháng 10 năm 2016.

2019 thông qua các Luật, Nghị định, Quyết định của Quốc hội và Chính phủ. Những thay đổi, điều chỉnh về cấu trúc chủ yếu là đối với giáo dục phổ thông, đại học và giáo dục nghề nghiệp với các loại hình nhà trường đa dạng, phong phú hơn so với trước đổi mới. Giáo dục mầm non tương đối ổn định sau khi sáp nhập nhà trẻ và mẫu giáo. Hệ thống giáo dục phổ thông được cấu trúc lại và thực hiện thống nhất trên phạm vi toàn quốc theo hệ 12 năm và được phân định thành 3 cấp: cấp I tương đương với bậc tiểu học; cấp II tương đương với bậc trung học cơ sở; cấp III tương đương với bậc trung học phổ thông. Giáo dục nghề nghiệp cũng có những thay đổi trong quy định về loại hình, trình độ đào tạo và được mở rộng hơn gồm sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác. Giáo dục đại học trước năm 2016 đào tạo các trình độ cao đẳng, đại học, sau đại học và quy định về văn bằng, chứng chỉ tương đương, đồng thời thống nhất về tên gọi học vị Tiến sĩ, Tiến sĩ khoa học. Tuy nhiên, từ năm 2016, trình độ cao đẳng không thuộc giáo dục đại học nữa mà là một trình độ đào tạo thuộc giáo dục nghề nghiệp.

3. Nhận xét và một số vấn đề đặt ra đối với giáo dục Việt Nam

Từ khi đổi mới đến nay, cùng với quá trình đổi mới trên các lĩnh vực của đất nước, hệ thống giáo dục Việt Nam đã tiến hành nhiều biện pháp để đổi mới và phát triển. Đảng và Nhà nước đã ban hành chủ trương, chính sách và tiến hành các biện pháp để chấn hưng nền giáo dục nước nhà. Việc đổi mới về mô hình và cơ cấu hệ thống giáo dục là một trong những giải pháp quan trọng mà ngành giáo dục đã thực hiện và mang lại sự thay đổi lớn đối với hệ thống giáo dục quốc dân.

Quá trình đổi mới giáo dục nói chung và

đổi mới về mô hình, cấu trúc hệ thống giáo dục quốc dân nói riêng là xuất phát từ thực tiễn và phục vụ cho thực tiễn. Trong mỗi giai đoạn, trước yêu cầu của đất nước và yêu cầu phát triển của ngành giáo dục, mô hình và cơ cấu hệ thống giáo dục từng bước có những điều chỉnh cho phù hợp. Ngay từ khi tiến hành đổi mới đất nước, vấn đề đổi mới về mô hình giáo dục đã được đặt ra nhằm phù hợp với quá trình chuyển đổi từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước và phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống các văn bản pháp luật được ban hành, các biện pháp đổi mới về mô hình quản lý giáo dục, xây dựng xã hội học tập được thực hiện. Đến năm 2006, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đã đưa ra một quyết định lịch sử là chính thức chuyển dần mô hình giáo dục sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập, quan điểm này tiếp tục được khẳng định và phát triển trong các kì Đại hội và một số văn bản pháp luật về giáo dục. Đối với cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, những điều chỉnh, thay đổi được thực hiện thông qua các quy định đối với từng cấp học và trên toàn hệ thống như Nghị định 90/CP năm 1993, *Luật Giáo dục năm 1998*, *Luật Giáo dục năm 2005*, Quyết định 1981/QĐ-TTg và gần đây nhất là *Luật Giáo dục năm 2019*... Những bước cải cách này được thực hiện trên cơ sở kế thừa những thành tựu đạt được và tiếp thu xu hướng mới phù hợp với thực tiễn phát triển giáo dục trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Sau những điều chỉnh, thay đổi và thích ứng, cho đến nay, Việt Nam đã xây dựng được hệ thống giáo dục quốc dân tương đối hoàn chỉnh và thống nhất trên phạm vi cả nước.

Với mô hình và cấu trúc như trên, cơ cấu khung và các loại hình giáo dục - đào tạo

của hệ thống giáo dục quốc dân được xác định cụ thể và có hệ thống, bước đầu đáp ứng yêu cầu của thực tiễn trong nước, phù hợp chuẩn phân loại quốc tế với các văn bằng, chứng chỉ tương ứng. Đồng thời, những điều chỉnh về cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân cũng được thực hiện theo hướng mở, thể hiện sự kế thừa, tiếp nối và liên thông giữa các bậc học, trình độ, phương thức giáo dục, đào tạo và có quan hệ mật thiết với hệ thống chính trị xã hội của đất nước.

Những thay đổi về mô hình, cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân có ý nghĩa quan trọng trong quá trình phát triển giáo dục. Cùng với những chuyển biến trong cấu trúc hệ thống giáo dục quốc dân, các loại hình giáo dục ngày càng phong phú, đa dạng theo các cách phân loại. Nếu tính theo cấp bậc học có trường mẫu giáo, trường phổ thông (trường phổ thông trung học, trường chuyên, năng khiếu, trường cho trẻ khuyết tật, trường phân ban, trường dân tộc nội trú...), trường dạy nghề, trường cao đẳng, trường đại học, học viện, viện. Nếu tính chung theo loại hình trường của các cấp học từ mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và đại học có các trường công lập và ngoài công lập như dân lập, tư thục, bán công. Đặc biệt là trong quá trình giáo dục hội nhập quốc tế còn có sự xuất hiện của các trường, cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài (trường có 100% vốn nước ngoài, trường có 100% vốn Việt Nam, trường liên doanh, liên kết). Trong hệ thống giáo dục Việt Nam có hình thức giáo dục chính quy và không chính quy, tập trung và không tập trung. Thiết chế song hành cùng với nhiều loại trường, lớp phù hợp với nhiều đối tượng người học, đồng thời tạo điều kiện để mọi người có thể học tập suốt đời theo nhu cầu thực tế đối với từng cấp học, bậc học.

Trong suốt 35 năm đổi mới, với những chuyển biến về mô hình, cấu trúc, hệ thống

giáo dục đã đạt được những thành tựu to lớn trong việc mở rộng quy mô đào tạo trong cả loại hình công lập và ngoài công lập. Mạng lưới các cơ sở giáo dục phát triển, đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của xã hội và phân bố khá đều khắp ở hầu hết các địa bàn dân cư lớn, các vùng, các địa phương. Bên cạnh các tỉnh, thành lớn tập trung nhiều trường, nhất là các trường đại học như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, vùng đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ, Nhà nước đã chú trọng thành lập thêm hệ thống các trường ở các vùng còn khó khăn như Tây Bắc, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long. Cùng với việc mở rộng về quy mô mạng lưới các trường, số lượng giáo viên và học sinh ngày càng tăng ở tất cả các cấp, bậc học. Chất lượng, hiệu quả giáo dục được chú trọng và có những bước tiến so với trước.

Mặc dù đã đạt được những thành tựu nhất định trong quá trình chuyển đổi song hệ thống giáo dục vẫn còn những tồn tại và chưa đáp ứng nhiều định hướng quan trọng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Theo thuyết minh sơ đồ cấu trúc hệ thống Giáo dục Việt Nam cho các thập niên đầu của thế kỷ 21 do Hội Khuyến học Việt Nam, Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam, Hiệp hội vì giáo dục cho mọi người đồng đề xuất đã đánh giá: Thứ nhất, toàn hệ thống không có sự nhất quán do khối Giáo dục nghề nghiệp được tách riêng biệt. Thứ hai, không có sự hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo. Theo Phân loại giáo dục theo tiêu chuẩn quốc tế của UNESCO (ISCED 2011), thì các trình độ sơ cấp và trung cấp ở Luật Giáo dục nghề nghiệp không tương ứng với bất kỳ một cấp độ nào của ISCED2011; Thứ ba, không có sự phân luồng học sinh sau trung học cơ sở cũng như sau trung học phổ thông

(12). Tính mở của hệ thống giáo dục xét về mặt thời lượng còn mờ nhạt; khung thời gian học tập còn được quy định có phần cứng nhắc, không linh hoạt trong vận dụng (cho các đối tượng, cơ sở giáo dục đặc biệt, cho các vùng miền vốn có sự khác nhau rõ rệt) (13). Mặt khác, trong quá trình cải cách hệ thống quốc dân, chất lượng và hiệu quả giáo dục còn rất nhiều yếu kém đặt ra. Việc cải cách quy chế thi cử cũng chưa có những biện pháp hữu hiệu và tương đối ổn định. Cơ cấu bậc học, vùng miền, ngành nghề đào tạo còn có những bất cập cần phải khắc phục.

Bối cảnh quốc tế và trong nước vừa tạo ra thời cơ, vừa tạo ra những thách thức lớn đối với hệ thống giáo dục Việt Nam. Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đến việc xây dựng, hoàn chỉnh chủ trương, đường lối, chính sách để phát triển giáo dục; sự tăng trưởng ổn định của nền kinh tế và sự ổn định về xã hội, an ninh quốc phòng đã tạo điều kiện và là môi trường thuận lợi để phát triển giáo dục; nhận thức của người dân và xã hội đối với vai trò, vị trí của giáo dục đã được nâng cao hơn so với trước; nguồn đầu tư cho giáo dục không chỉ từ ngân sách nhà nước mà phong phú, đa dạng và nhiều hơn từ các cá nhân, tổ chức và từ nước ngoài; trong bối cảnh mới, hệ thống giáo dục còn có cơ hội học tập, tiếp thu kinh nghiệm của các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới về quản lý giáo dục, nội dung, phương pháp đào tạo, xây dựng và đào tạo đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục... Những cơ hội đó đã tạo ra những điều kiện thuận lợi cho xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống giáo dục quốc dân, song hệ thống giáo dục Việt Nam vẫn phải đổi mới và tiếp tục giải quyết thách thức đặt ra để đổi mới và phát triển, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và phát

triển đất nước.

Vai trò, vị trí của giáo dục ngày càng được đề cao trong xã hội hiện đại. Giáo dục không chỉ là kiến trúc thượng tầng mà còn là cơ sở hạ tầng xã hội đóng vai trò chủ yếu trong việc phát triển con người và góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế xã hội. Đầu tư cho giáo dục không chỉ đơn thuần là phúc lợi xã hội mà còn là đầu tư cho phát triển. Bởi vậy, những yếu kém, bất cập trong hệ thống giáo dục (sự phân luồng, liên thông sau trung học phổ thông đến giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp, sự mất cân đối giữa yêu cầu phát triển quy mô và nguồn lực còn hạn chế, giữa yêu cầu tiếp tục phát triển nhanh quy mô và đòi hỏi nâng cao chất lượng, giữa yêu cầu vừa tạo được chuyển biến cơ bản, toàn diện vừa giữ được sự ổn định tương đối của hệ thống giáo dục) đòi hỏi phải được khắc phục, giải quyết không chỉ vì yêu cầu phát triển của bản thân ngành giáo dục mà còn của đất nước và bắt kịp với những tiến bộ của giáo dục thế giới.

Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại và trong những năm gần đây là sự xuất hiện của cách mạng 4.0 đã mang lại những bước tiến đột phá trong mọi lĩnh vực. Nền kinh tế tri thức trong thời đại toàn cầu hoá với sự gia tăng nhanh chóng, gấp bội của tri thức nhân loại theo cấp số nhân và những đổi mới giáo dục đang diễn ra mạnh mẽ trên quy toàn cầu tiếp tục tạo nên những thay đổi sâu sắc từ quan niệm, triết lý, giá trị giáo dục đến mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục, phát triển hệ thống và công nghệ giáo dục đòi hỏi giáo dục cần có những đổi mới cần thiết để thu hẹp khoảng cách với các nền giáo dục tiên tiến cũng đang đổi mới và phát triển.

Toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế có ảnh hưởng to lớn đến các quốc gia, dân

tộc cũng đặt ra những thời cơ và thách thức mới cho hệ thống giáo dục. Toàn cầu hóa vừa là quá trình hợp tác để phát triển, vừa là quá trình đấu tranh của các nước để bảo vệ lợi ích quốc gia. Sự cạnh tranh về kinh tế ngày càng quyết liệt đòi hỏi phải tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng hàng hoá và đổi mới công nghệ một cách nhanh chóng; việc giao lưu, hội nhập và bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc... và cũng đặt ra yêu cầu cho hệ thống giáo dục trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo con người phát triển toàn diện. Việc cải cách hệ thống giáo dục để đáp ứng yêu cầu này càng có ý nghĩa chiến lược và là công cụ cơ bản của để đảm bảo thắng lợi, thành công cho cuộc cạnh tranh.

Quá trình chuyển đổi cơ chế và phát triển kinh tế thị trường nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa cùng với những thay đổi về thang giá trị xã hội cũng đặt ra cho giáo dục những thách thức mới. Sự phát triển kinh tế - xã hội đòi hỏi hệ thống giáo dục phải tiếp cận và thích nghi với cơ chế mới, phải luôn phát triển và đi trước một bước đón đầu sự phát triển của xã hội. Giáo dục phải đảm bảo tính định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời phải góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và hạn chế những tác động, ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của cơ chế thị trường. Thị trường giáo dục với các loại hình dịch vụ giáo dục, dịch vụ giáo dục phi lợi nhuận, dịch vụ giáo dục có lợi nhuận cũng đã và đang hình thành, nhất là sau khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO. Giáo dục cần có những điều chỉnh cần thiết, thích hợp trong khuôn khổ của WTO-GATS. Đồng thời, vấn đề đảm bảo chủ quyền giáo dục, đảm bảo sự công bằng và sự phát triển

lành mạnh của hệ thống giáo dục cũng được đặt ra vì nó liên quan trực tiếp đến văn hoá, kinh tế, chính trị, đến công cuộc xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Những cơ hội và thách thức đặt ra nhiệm vụ mới đối với giáo dục. Đặc biệt là “những nhân tố chi phối và tác động đến hệ thống giáo dục như thể chế chính trị, truyền thống văn hóa, nhu cầu giáo dục, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, kinh nghiệm quốc tế... cần được làm sáng tỏ để có những giải pháp đúng đắn, khả thi và có cơ sở khoa học bảo đảm sự phát triển bền vững của hệ thống giáo dục quốc dân ở nước ta trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa” (14). Hệ thống giáo dục không chỉ tiếp thu, truyền tải những tri thức tiên tiến của nhân loại mà còn phải phát huy được hiệu quả, phải có tính ứng dụng và sáng tạo cao. Đổi mới hệ thống giáo dục nhằm mục đích xây dựng nền giáo dục có chất lượng chính là linh hồn của một xã hội tri thức mà nhân loại đang hướng tới.

4. Kết luận

Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, hệ thống giáo dục Việt Nam đã có những chuyển biến về nhiều mặt, trong đó có sự chuyển biến về mô hình, cơ cấu hệ thống giáo dục. Sự chuyển biến của hệ thống giáo dục có những điểm tích cực song cũng có những hạn chế, tồn tại cần tiếp tục giải quyết. Thực tế cho thấy sự chuyển biến đó thể hiện tính thích ứng và linh hoạt của nền giáo dục Việt Nam trong bối cảnh thực tiễn trong nước và thế giới nhằm thực hiện các mục tiêu, phương châm giáo dục đặt ra. Điều này cũng tạo ra những đặc trưng của hệ thống giáo dục trong quá trình chuyển đổi, vận động và phát triển.

Hiện nay, hệ thống giáo dục Việt Nam

đang đứng trước những cơ hội và thách thức lớn trong quá trình đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Bởi vậy, hệ thống giáo dục cần có những giải pháp hữu hiệu để tiếp tục điều

chỉnh, hoàn thiện, đổi mới và phát triển, đồng thời không chỉ đáp ứng các yêu cầu thực tiễn của đất nước mà còn phù hợp với xu thế chung của quốc tế.

CHÚ THÍCH

(1). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.121.

(2). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 116.

(3). Nghị quyết số 29-NQ/TW “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” ngày 4-11-2013.

(4). Vũ Ngọc Hải, Đặng Bá Lâm, Trần Khánh Đức (Đồng chủ biên), *Giáo dục Việt Nam đổi mới và phát triển hiện đại hóa*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.275.

(5). Alexandre Dormeier Freire, “Hai mươi năm đổi mới ngành giáo dục: giữa những thành công và bất ổn”, in trong: Đại học Quốc gia Hà Nội, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ ba: Việt Nam: Hội nhập và phát triển*, tập VI, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2010, tr.89.

(6). Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2019.

(7). Thực hiện chính sách phổ cập giáo dục tiểu học bắt buộc từ lớp 1 đến lớp 5 đối với tất cả trẻ từ 6 đến 14 tuổi theo Luật phổ cập giáo dục ban hành ngày 12-11-1991. Hoàn thành cơ bản phổ cập tiểu học vào năm 2000 theo Nghị quyết Trung ương 4, khóa VII năm 1993.

(8). Nghị định 90/CP ngày 24-11-1993 của Chính phủ quy định về cơ cấu khung của hệ thống giáo dục quốc dân, hệ thống văn bằng, chứng chỉ về giáo dục và đào tạo.

(9). Luật Giáo dục số 11/1998/QH10 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 02 tháng 12 năm 1998.

(10). Trước đó ở Việt Nam có học vị Phó Tiến sĩ là theo cách gọi của Liên Xô phân biệt hai trình độ: Phó Tiến sĩ (Dr.PhD) và Tiến sĩ khoa học (Doctoran).

(11). Quyết định số 1981/QĐ-TTg *Phê duyệt khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân* do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 18 tháng 10 năm 2016.

(12). Hồng Hạnh, “3 lý do khiến hệ thống Giáo dục Việt Nam bị hạn chế”, Dân trí, Truy cập ngày 18-9-2016 <http://tuyensinh.dantri.com.vn/tuyen-sinh/3-ly-do-khien-he-thong-giao-duc-viet-nam-bi-han-che-20160617132048034.htm>

(13). Trần Kiều, Trịnh Thị Anh Hoa, “Về cơ cấu khung của hệ thống giáo dục phổ thông Việt Nam”, *Khoa học giáo dục*, số 127: 1-4 (2016), tr.3.

(14). Vũ Ngọc Hải, Trần Khánh Đức (Đồng chủ biên), *Hệ thống giáo dục hiện đại trong những năm đầu thế kỷ XXI (Việt Nam và thế giới)*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2003, tr.36.